

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bé.
- Bà Trang Thị Cẩm Nhuần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 50/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 và thông báo dời phiên tòa số 03/TB-TA ngày 02/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích P, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Võ Văn S, sinh năm 1970 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Bích P khai có nội dung:

Vào năm 1997, chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Võ Văn S, có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống hạnh phúc vợ chồng có hai con chung tên Võ Quốc K, sinh ngày 11/5/2000 và cháu Võ Phương D, sinh ngày 03/8/2012, khi ly hôn chị yêu cầu giao cháu Võ Phương D cho anh S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và chị không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu K đã thành niên sống tự lập nên không yêu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung nhau không hòa hợp tính tình, thường xuyên cự cãi qua lại với nhau, do anh S tính tình khó khăn. Anh S đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà nhiều lần. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn lại được. Chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay mỗi người sống một nơi và đều có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai 07/01/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của anh Võ Văn S có nội dung:

Anh S thống nhất với lời trình bày của chị P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Trong quá trình chung sống hạnh phúc vợ chồng anh có hai con chung tên Võ Quốc K, sinh ngày 11/5/2000 và cháu Võ Phương D, sinh ngày 03/8/2012. Nay chị P yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Anh thừa nhận lúc cự cãi do không kiềm chế được anh có đánh chị P vài cái bạt tay nhưng không có bạo hành gia đình. Hiện nay anh còn thương chị P rất nhiều, muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết phải ly hôn thì anh xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu D và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Cháu K đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh S khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

- Về con chung: Cháu Võ Quốc K, sinh ngày 11/5/2000 đã thành niên sống tự lập nên không yêu Tòa án giải quyết. Chị P và anh S thống nhất giao cháu Võ Phương D, sinh ngày 03/8/2012 cho anh S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh S không có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Chị P và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị P và anh S thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Về hôn nhân Chị P yêu cầu ly hôn, anh S không đồng ý mà yêu cầu đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vì đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị P và anh S là vợ chồng. Về con chung nhất giao cháu Võ Phương D, sinh ngày 03/8/2012 cho anh S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh S không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra giải quyết. Buộc chị P chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Bích P khởi kiện yêu cầu tranh chấp ly hôn và nuôi con. Bị đơn anh Võ Văn S có địa chỉ tại ấp Ng, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt anh Võ Văn S nhưng anh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị P với anh S xác lập quan hệ hôn nhân có tổ chức đám cưới theo phong tục vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp, vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Sau quá trình chung sống kéo dài đến nay anh chị vẫn không có đăng ký kết hôn. Căn cứ biên bản xác minh ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần tại Ủy ban nhân dân xã H cho thấy từ năm 1997 đến nay chị P không có đăng ký kết hôn với anh S hay người nào khác tại Ủy ban nhân dân xã H. Đến năm 2020 thì chị P và anh S phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống chị P kiên quyết xin ly hôn, anh S không đồng ý. Tuy nhiên căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 thông tư 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở để Hội đồng xét xử không công nhận chị Lê Thị Bích P và anh Võ Văn S là vợ chồng.

[4] Về con chung: Xét thấy cháu Võ Quốc K, sinh ngày 11/5/2000, đã thành niên sống tự lập, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Cháu Võ Phương D, sinh ngày 03/8/2012, hiện do anh S đang nuôi dưỡng luôn đảm bảo phát triển đầy đủ về mọi mặt, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu D, chị P cũng đồng ý giao con cho anh S nuôi dưỡng. Theo bản tự khai ngày 07/01/2022 của cháu D thể hiện cháu D có nguyện vọng muốn sống chung với anh S. Do đó để đảm bảo cho cháu D có điều kiện phát triển đầy đủ về mọi mặt và cũng như không xáo trộn cuộc sống của cháu D, Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là giao cháu D cho anh S được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh S không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị P và anh S thống nhất không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị P và anh S khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Bích P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Bích P với anh Võ Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Võ Quốc K, sinh ngày 11/5/2000, đã thành niên sống tự lập, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là giao cháu Võ Phương D, sinh ngày 03/8/2012 cho anh Võ Văn S được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Bích P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Võ Văn S không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Bích P và anh Võ Văn S thống nhất không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Bích P và anh Võ Văn S thống nhất khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Án phí hôn nhân và gia đình), được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002898, ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; chị P đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Thị Ngọc Quyền